

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HS-PT.

Ngày: 26/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Lê Bửu Thiện

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 197/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Phúc S; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2021/HSST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Phúc S, Sinh năm 1990 tại Đồng Nai (có mặt).

HKTT: Ấp H, xã T, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: 7x/2y, tổ 1, khu phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phúc L, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1962; Vợ: Phạm Như Đ, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2018), có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/12/2020 đến ngày 02/02/2021, được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phúc S: Luật sư Phạm Đức V, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh ĐN.

- Bị hại: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 1xxx/2y, khu phố 3, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên không có triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Phúc S, Huỳnh Đăng K và anh Lê Xuân H là bạn bè quen biết nhau. Vào năm 2017, anh Lê Xuân H, địa chỉ: 1xxx/2y, KP3, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai có mượn tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc H (là mẹ ruột của K), địa chỉ 1x/2y, khu phố 5, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, với số tiền là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng). Bà H và K đã nhiều lần đòi tiền nhưng anh H không trả và cũng không nghe máy. Đến giữa tháng 07/2020, anh Lê Xuân H có hợp đồng với Công ty TNHH TVT chở công nhân của Công ty, do không có xe chở công nhân, nên anh H có thuê Nguyễn Phúc S chở công nhân Công ty TVT, với tiền công 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Anh H đã nhận tiền của Công ty nhưng không trả tiền công cho S. Do nhiều lần S điện thoại cho anh H để lấy tiền công với số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) nhưng anh H không nghe máy nên vào khoảng 17 giờ ngày 13/08/2020, S nhờ người bạn tên Kh (chưa rõ nhân thân lai lịch) điện thoại cho anh H đặt xe đi sân bay Tân Sơn Nhất để nhằm mục đích S gặp anh H để đòi tiền nợ. Sau đó, Kh điện thoại lại nói cho S biết là đã điện thoại cho anh H và hẹn đón vào lúc 20 giờ 30 phút tại đường Võ Thị Sáu, phường N. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S, Kh đi đến quán cà phê Cối xay gió thuộc khu phố 7, phường N ngồi uống nước để đợi anh H thì gặp Huỳnh Đăng K cũng đang ngồi uống nước tại quán nên S, K và Kh ngồi chung 1 bàn. Trong lúc S nói chuyện với Kh về việc anh H nợ tiền của S thì K nghe và nói anh H cũng mượn tiền của mẹ K nhưng đòi nhiều lần không trả nên K cũng muốn đi với S để gặp anh H đòi tiền nợ. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày thì anh H điều khiển xe ô tô biển số 51A-76xxx đến địa điểm đã hẹn tại khu phố 7, phường N rồi điện thoại cho Kh. Sau đó, S, K, Kh cùng đi đến gặp anh H nói anh H đi đến quán cà phê “Cối Xay Gió” để nói chuyện về việc anh H đang nợ tiền. S điều khiển xe ô tô của anh H chở anh H, K còn Kh đi xe ô tô của S cùng đi đến quán cà phê “Cối Xay Gió”, tại đây, S, K yêu cầu anh H trả tiền nợ, nhưng anh H nói không có tiền trả và hứa với Sang là 03 ngày sẽ trả nợ cho Sang, còn tiền mượn của mẹ Khoa thì anh H hứa cuối năm trả. Do đòi nhiều lần nhưng anh H không trả tiền nên S yêu cầu anh H viết giấy cầm xe ô tô anh H đang đi cho S nhưng anh H không đồng ý, K nói với anh H “thằng S không lấy thì K cũng lấy xe” nên anh H bỏ đi ra ngoài đường. S, K và Kh đuổi theo anh H, S dùng tay đánh anh H 02 cái, K dùng tay đánh anh H 02 cái, Kh dùng chân đạp vào người anh H 01 cái làm anh H bị ngã xuống đất, S, Kh chạy đến đè lên người anh H để S dùng tay lấy chìa khóa xe ô tô ở trong túi quần của anh H. Sau đó, S đi đến mở cửa xe ô tô biển số 51A-764xxx để điều khiển xe lấy đi thì anh H liền chạy đến đi vào ghế tài xế ôm vô lăng không cho S lấy xe, thì bị S, K dùng tay kéo anh H ra còn Kh thì mở cửa phụ dùng chân đạp vào tay anh H làm anh H buông tay ra khỏi vô lăng xe. Sau khi lòi anh H ra khỏi xe thì K là người ôm anh H để Sang lấy xe ô tô hiệu Ford Escape XLT biển số 51A-76xxx của anh H

bỏ đi. Sau khi bị S, K chiếm đoạt xe ô tô hiệu Ford Escape XLT biển số 51A-76xxx, anh H đã đến trình báo Công an phường N, thành phố H để giải quyết. Công an phường N lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra S, K đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe ô tô biển số 51A- 76xxx là thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thùy Nam Ph nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho chị Ph.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 389 ngày 26/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 (một) xe ô tô biển số 51A- 76xxx, có tổng giá trị tài sản định giá là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại anh Lê Xuân H và người liên quan chị Nguyễn Thùy Nam Ph đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2021/HSST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc S phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án, được trừ đi thời gian bị giam giữ trước từ ngày 29/12/2020 đến ngày 02/02/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Ngày 22/4/2021, bị cáo Nguyễn Phúc S có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

4. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo phát biểu quan điểm:

Động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo không phải để nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, xuất phát từ việc bị hại thiếu tiền bị cáo, bị cáo chỉ mong muốn bị hại trả tiền công cho mình. Hơn nữa, trong vụ án này vai trò của bị cáo K là thực hiện với mong muốn đạt được để đòi nợ số tiền lớn hơn của bị cáo S, nhưng cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo K với vai trò nhẹ hơn và xử mức án nhẹ hơn là không tương xứng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét, cùng tình tiết bị cáo hiện đang là lao động chính, bị hại cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tuyên xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở và phù hợp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, như vậy là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với mô tả và nhận định trong bản án của cấp sơ thẩm.

Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 13/08/2020, tại quán cà phê “Cối xay gió” thuộc khu phố 7, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Nguyễn Phúc S, Huỳnh Đăng K yêu cầu anh H trả tiền nợ của S và mẹ K thì anh H nói không có tiền trả nên S yêu cầu anh H viết giấy cầm xe ô tô anh H đang đi cho S nhưng anh H không đồng ý và bỏ đi ra ngoài đường. S, K và Kh (không rõ lai lịch) đuổi theo anh H, S dùng tay đánh anh H 02 cái, K dùng tay đánh anh H 02 cái, Kh dùng chân đạp vào người anh H 01 cái làm anh H bị ngã xuống đất, S, Kh chạy đến đè lên người anh H để S dùng tay lấy remote xe ô tô ở trong túi quần của anh H. Sau đó, S đi đến mở cửa xe ô tô biển số 51A-76xxx để điều khiển xe lấy đi thì anh H liền chạy đến đi vào ghế tài xế ôm vô lăng không cho S lấy xe thì bị S, K dùng tay kéo anh H ra còn Kh thì mở cửa phụ dùng chân đạp vào tay anh H làm anh H buông tay ra khỏi vô lăng xe. Sau khi lôi anh H ra khỏi xe thì K là người ôm anh H để S lấy xe ô tô hiệu Ford Escape XLT biển số 51A-76xxx của anh H chạy đi. Tài sản là chiếc xe ô tô bị chiếm đoạt có giá trị được định giá là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

Bị cáo Nguyễn Phúc S thừa nhận hành vi phạm tội của mình, chỉ kháng cáo xin xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện giao trả lại tài sản cho bị hại để khắc phục hậu quả; giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ bạn bè, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị hại nợ tiền đã lâu dù nhắc nhiều lần nhưng vẫn chưa trả; bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn xác nhận bị cáo là lao động chính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị hại có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51. Nhưng trên cơ sở đánh giá mức độ, tính chất của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét và tuyên mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt theo khung hình phạt của điều luật mà bị cáo bị truy tố, như vậy là phù hợp, không có cơ sở để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo là không có cơ sở theo quy định của pháp luật, nên không chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phúc S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 198/2021/HSST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1. Quyết định hình phạt: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phúc S 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 29/12/2020 đến ngày 02/02/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Phúc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. H (2);
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an TP. H;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. H;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Tòa Hình sự, Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thế Phương